



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 09 + 10

Ngày 15 tháng 01 năm 2020

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

02-12-2019- Quyết định số 5111/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Giao thông vận tải.

(Tiếp theo Công báo số 07 + 08)

QUY TRÌNH 20**Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải do giấy phép bị mất**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Giấy đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Văn bản có xác nhận của Công an xã, phường nơi đơn vị kinh doanh vận tải trình báo mất Giấy phép kinh doanh.	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng Quản lý Vận tải đường bộ	28 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ theo mục I - Tờ trình, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ, kiểm tra, xác minh. - Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, lập tờ trình đề xuất xử lý hồ sơ, dự thảo giấy phép hoặc văn bản từ chối cấp phép, nêu rõ lý do - Trình lãnh đạo Phòng xem xét

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Xem xét, trình ký hồ sơ	Lãnh đạo phòng Quản lý Vận tải đường bộ	0,5 ngày làm việc	-Hồ sơ theo mục I - Tờ trình, Giấy phép hoặc văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình, ký nháy vào giấy phép hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển trình lãnh đạo Sở duyệt ký.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc	-Hồ sơ theo mục I - Tờ trình, Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký ban hành giấy phép hoặc Văn bản từ chối
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Văn phòng Sở	0,25 ngày làm việc	-Hồ sơ theo mục I - Tờ trình, Giấy phép hoặc Văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu giấy phép hoặc Văn bản từ chối -Chuyển giấy phép hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở. -Chuyển tờ trình và hồ sơ theo mục I đến Phòng Quản lý Vận tải đường bộ
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận một cửa	Theo Giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Giấy đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô
5		Sổ theo dõi hồ sơ
6		Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc Hội về Giao thông đường bộ.

- Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

- Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 7 tháng 11 năm 2014 của Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Tên đơn vị KDVT: **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

.....

Số: /.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP
GIẤY PHÉP KINH DOANH VẬN TẢI BẰNG XE Ô TÔ**

Kính gửi: Sở GTVT

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Địa chỉ trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp)

số:..... do..... cấp ngày
..... tháng..... năm

6. Họ và tên người đại diện hợp pháp:

7. Đề nghị cấp phép kinh doanh các loại hình vận tải:

-

-

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết những nội dung đăng ký đúng với thực tế của đơn vị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu .

Đại diện đơn vị kinh doanh vận tải

(Ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH 21

Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký và biển số (trừ trường hợp bị mất).	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,75 ngày làm việc (06 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Ghi nội dung vào tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối	Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, tham mưu kết quả giải quyết TTHC Trình lãnh đạo Phòng xem xét

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, ký duyệt vào tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối.
B7	Ban hành văn bản	Chuyên viên phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ gốc hoặc văn bản từ chối	- Lấy số tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng hoặc Văn bản từ chối.
B8	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Theo mục I - Hồ sơ trình - Tờ khai	- Photo, đóng dấu, phát hành tờ khai hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển tờ khai thu hồi đăng ký, biển số

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ gốc hoặc văn bản từ chối	xe máy chuyên dùng hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.
B9	Trả kết quả, hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng
5	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ,
BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu:.....
 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
 3. Ngày cấp: 4. Nơi cấp:
 5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
 6. Họ và tên đồng chủ sở hữu
 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD (nếu có):
 8. Ngày cấp 9. Nơi cấp
 10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
 11. Loại xe máy chuyên dùng:
 12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW)
 14. Màu sơn: 15. Năm sản xuất:
 16. Nước sản xuất: 17. Số khung:
 18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg)
 20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
 Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là
 Do Sở Giao thông vận tải cấp ngày tháng năm
 Lý do xin thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:
 Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
 Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận
 đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng...năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

Số biển số:Ngày cấp.....Số đăng ký quản
lý.....
 Đã thu hồi giấy chứng nhận đăng ký và biển số ngày/...../.....
 Lưu hồ sơ đăng ký tại Sở Giao thông vận tải.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:

- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng 02 bản;
- Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ 01 bản.

QUY TRÌNH 22**Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp	01	Bản chính
03	Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ Giao thông vận tải đối với trường hợp xe máy chuyên dùng cải tạo	01	Bản chính
04	Quyết định hoặc giấy tờ về việc thay đổi do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với trường hợp chủ sở hữu thay đổi thông tin liên quan	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Lệ phí đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện. - Lệ phí đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết TTHC	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	02 ngày làm việc	- Hồ sơ theo mục I - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối	Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do; Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt hồ sơ, ký nháy vào giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối. Chuyển Lãnh đạo Sở ký duyệt
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ, giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối Chuyển lại chuyên viên thụ lý
B7	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	- Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	- Lấy số giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối.
B8	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	- Theo mục I - Hồ sơ trình - Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu, phát hành giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối đến

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					Bộ phận một cửa của Sở.
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân, thu và cắt góc phía trên bên phải giấy chứng nhận đăng ký đã cấp. - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai đòi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đòi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu
5	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
24. Loại xe máy chuyên dùng:.....
25. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 26. Công suất:(kW).....
27. Màu sơn:..... 28. Năm sản xuất:
29. Nước sản xuất:..... 30. Số khung:.....
31. Số động cơ:..... 32. Trọng lượng:(kg).....
33. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biển số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, số biển số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)*** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

QUY TRÌNH 23**Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	<p>Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:</p> <p>2.1. Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.2. Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>2.3. Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.4. Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.5. Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.6. Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực
03	<p>Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):</p> <p>3.1 Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của</p>	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực

<p>Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>3.2 Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>3.3 Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>3.4 Đối với xe máy chuyên</p>		
---	--	--

<p>dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định tịch thu sung quỹ nhà nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; + Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật. <p>3.5 Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật; + Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại). 		
---	--	--

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, vào sổ theo dõi thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời (nếu đủ điều kiện) - Văn bản từ chối (nếu không đủ điều kiện)	Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ: Tổng hợp, hoàn chỉnh hồ sơ pháp lý, dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối, nêu rõ lý do, Trình lãnh đạo Phòng xem xét
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt hồ sơ, ký nháy vào Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt vào hồ sơ và Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối. Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B7	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	- Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời hoặc Văn bản từ chối,	- Lấy số giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối.
B8	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	- Theo mục I - Hồ sơ trình - Giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu, phát hành giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức. - Lưu hồ sơ theo dõi

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng theo mẫu
5	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
12. Trụ sở giao dịch.....
13. Loại xe máy chuyên dùng:.....
14. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 15. Công suất:(kW).....
16. Màu sơn:..... 17. Năm sản xuất:
18. Nước sản xuất:..... 19. Số khung:.....
20. Số động cơ:..... 21. Trọng lượng:(kg).....
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
22. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
23. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật
 Đề nghị Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận
 đăng ký tạm thời cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sổ Giao thông vận tải:

Số đăng ký tạm thời:.....cấp

ngày.....tháng.....năm.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị đến:.....

Cán bộ làm thủ tục*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)*** Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:**- Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng kèm theo hồ sơ 01 bản;**- Lưu Sổ Giao thông vận tải 01 bản.*

QUY TRÌNH 24

Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Bản thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký theo mẫu (đối với trường hợp bị mất Giấy chứng nhận đăng ký)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	Hồ sơ theo mục I - Dự thảo nội dung đăng tải	Cán bộ chuyên môn thụ lý căn cứ các yêu cầu, điều kiện tiến hành thẩm định hồ sơ và dự thảo nội dung đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải trình

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,5 ngày (04 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Nội dung đăng tải	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ, duyệt nội dung đăng tải. Chuyên viên Văn Phòng Sở đăng tải
B6	Đăng tải thông tin	Chuyên viên Văn Phòng Sở	15 ngày	đăng tải kết quả	Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải theo quy định
B7	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết	Chuyên viên phòng chuyên môn giải quyết TTHC	02 ngày	- Hồ sơ theo mục I - Dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký, biển số	Hết thời gian đăng tải, nếu không có ý kiến phản hồi liên quan đến tranh chấp xe máy chuyên dùng đề nghị cập lại đăng ký: tiến hành bước tiếp theo Nếu có tranh chấp: báo cáo lãnh đạo xử lý Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, dự thảo Giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do, Trình lãnh đạo Phòng xem xét

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B8	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc Văn bản từ chối	- Lãnh đạo phòng xem xét duyệt hồ sơ và ký nháy vào Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển hồ sơ cho lãnh đạo Sở xem xét, ký duyệt.
B9	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc Văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt vào hồ sơ và Giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối. Chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý
B9	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc Văn bản từ chối	- Lấy số giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối.
B10	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc Văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu, phát hành Giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.
B11	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho cá nhân, tổ chức. - Lưu hồ sơ theo dõi

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu
5	BM 05	Mẫu Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu
5	BM 05	Mẫu Thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương đăng ký
6	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

**ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ, BIÊN SỐ XE MÁY
CHUYÊN DÙNG**

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
hữu (nếu có): 8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
24. Loại xe máy chuyên dùng:.....
25. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 26. Công suất:(kW).....
27. Màu sơn:..... 28. Năm sản xuất:
29. Nước sản xuất:..... 30. Số khung:.....
31. Số động cơ:..... 32. Trọng lượng:(kg).....
33. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Hiện đã có Giấy chứng nhận đăng ký, biên số là.....
- Do Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ... tháng.....năm.....
- Lý do xin đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biên số:.....
- Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Đề nghị Sở Giao thông vận tải xem xét đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:

(Dán trà số động cơ)

(Dán trà số khung)

** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Cấp theo đăng ký, số biên số cũ:.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục

(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

** Ghi chú: Tờ khai lập thành 03 bản:*

- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.

- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO CÔNG KHAI ĐĂNG KÝ
XE MÁY CHUYÊN DÙNG

Họ và tên chủ sở hữu:.....Số CMND (Căn cước hoặc hộ chiếu).....

Ngày cấp:.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:.....Màu sơn.....

Nhãn hiệu (mác, kiểu).....Công suất.....

Nước sản xuất:.....Năm sản xuất.....

Số động cơ:.....Số khung.....

Kích thước bao (dài x rộng x cao):.....Trọng lượng.....

Nay tôi xin thông báo công khai, nếu ai có tranh chấp quyền sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng nêu trên xin gửi về Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh.

Sau 07 ngày kể từ khi đăng tải thông báo này, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải sẽ tiến hành làm thủ tục đăng ký cho tôi theo quy định của pháp luật.

Chủ phương tiện

(Ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của đơn vị đăng thông báo:

Đã thực hiện thông báo công khai tại.....

Thời hạn thông báo là 07 ngày: Từ ngày.../.../.... đến ngày.../.../.....

.....,
ngày.....tháng.....năm.....
Thủ trưởng đơn vị thông báo
(Ký tên, đóng dấu)

* Ghi chú:

Bản thông báo này được lưu trong hồ sơ tại Sở Giao thông vận tải.

QUY TRÌNH 25

Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	<p>Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:</p> <p>2.1. Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.2. Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>2.3. Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.4. Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.5. Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.6. Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	01	Bản chính
03	Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực

04	<p>Giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (là một trong những giấy tờ sau):</p> <p>4.1. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước.</p> <p>4.2. Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>4.3. Giấy chứng nhận chất lượng xe cải tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo kèm theo Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng hoặc Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu hoặc thông báo miễn kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng nhập khẩu.</p> <p>Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có giấy tờ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế theo quy định. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai thu hồi đăng ký, biển số theo mẫu số 1 của Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BGTVT.</p> <p>4.4. Đối với xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước:</p> <p>+ Quyết định tịch thu sung quỹ nhà</p>	01	Bản chính
----	---	----	-----------

	<p>nước của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Hóa đơn bán tài sản tịch thu, sung quỹ nhà nước do Bộ Tài chính phát hành (trường hợp tài sản xử lý theo hình thức thanh lý); biên bản bàn giao tiếp nhận tài sản (trường hợp xử lý tài sản theo hình thức điều chuyển) theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.5. Đối với xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng</p> <p>+ Quyết định xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật;</p> <p>+ Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao theo quy định của pháp luật (nếu là người bị hại).</p> <p>Trường hợp nhiều xe chung một giấy tờ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng (trường hợp xe máy chuyên dùng bị xử lý tịch thu sung quỹ nhà nước hoặc xe máy chuyên dùng có quyết định xử lý vật chứng) thì tổ chức, cá nhân khi đăng ký phải nộp bản chính và bản sao cho mỗi xe tại Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký (trừ trường hợp xe máy chuyên dùng chưa đăng ký, khi di chuyển trên đường bộ phải được đăng ký tạm thời). Sở Giao thông vận tải nơi đăng ký có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản với tổ chức, cá nhân đăng ký về việc đang lưu giữ bản chính</p>		
--	---	--	--

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Cấp mới kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/phương tiện. - Đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Theo mục I	Tiếp nhận hồ sơ theo quy định Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,125 ngày làm việc (01 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thụ lý hồ sơ, tiến hành kiểm tra xe đăng ký	Chuyên viên Phòng chuyên môn	4,5 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ theo mục I - Công văn chuyên kiểm tra (nếu chuyển tỉnh kiểm tra) - Phiếu hẹn kiểm tra - Biên bản kiểm tra 	<p>Trường hợp xe trong thành phố HCM, có giấy hẹn kiểm tra</p> <p>+ Trường hợp xe ở tỉnh khác có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe đang hoạt động, tập kết kiểm tra</p> <p>- Thực hiện kiểm tra xe theo quy định.</p>
B5	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ theo mục I - Biên bản kiểm tra - Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký; biển số hoặc văn bản từ chối. 	<p>Sau khi kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với xe máy ngoài tỉnh, chuyên viên thụ lý tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn,, biển số hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do</p> <p>Trình lãnh đạo phòng xem xét</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng; biên số hoặc văn bản từ chối 	<p>Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt hồ sơ, ký nháy vào giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn; biên số hoặc văn bản từ chối.</p> <p>Chuyển Lãnh đạo Sở ký duyệt</p>
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận; biên số hoặc văn bản từ chối 	<p>Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ, giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn; biên số hoặc văn bản từ chối</p> <p>chuyển lại chuyên viên thụ lý</p>
B8	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận; biên số hoặc văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy số giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn hoặc Văn bản từ chối.
B9	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	<ul style="list-style-type: none"> - Theo mục I - Hồ sơ trình - Giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn biên số hoặc văn bản từ chối 	<ul style="list-style-type: none"> - Photo, đóng dấu, phát hành giấy chứng nhận đăng ký có thời hạn kèm biên số hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B10	Trả kết quả, hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đăng ký có thời hạn xe máy chuyên dùng
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ CÓ THỜI HẠN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Thời hạn thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam: từ ngày.../ .../ ...đến ngày .../ .../
6. Trụ sở giao dịch.....
7. Loại xe máy chuyên dùng:.....
8. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 9. Công suất:(kW)
10. Màu sơn:..... 11. Năm sản xuất:
12. Nước sản xuất: 13. Số khung:.....
14. Số động cơ:..... 15. Trọng lượng:(kg)...
16. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
17. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

Biển số đề nghị cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký có giá trị

đến:.....

Cán bộ làm thủ tục*(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:*

- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;
- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;
- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.

QUY TRÌNH 26

Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	<p>Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:</p> <p>2.1 Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.2 Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>2.3 Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.4 Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.5 Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.6 Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	01	Bản chính
03	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Cấp giấy chung nhận đăng ký không kèm theo biên số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 04	Tiếp nhận hồ sơ theo quy định Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0.25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thụ lý hồ sơ, tiến hành kiểm tra xe đăng ký	Chuyên viên Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	4,5 ngày làm việc	- Hồ sơ theo mục I - Công văn chuyển kiểm tra (nếu chuyển tỉnh kiểm tra) -Phiếu hẹn kiểm tra - Biên bản kiểm tra	Trường hợp xe trong thành phố HCM, có giấy hẹn kiểm tra Trường hợp xe để ở tỉnh khác có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe đang hoạt động, tập kết kiểm tra -Thực hiện kiểm tra xe theo quy định.
B5	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng	02 ngày	- Hồ sơ theo mục I - Biên bản kiểm tra - Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản	Sau khi kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với xe máy ngoài tỉnh, chuyên viên thụ lý tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		chuyên môn giải quyết TTHC		từ chối	dự thảo giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc văn bản từ chối Trình lãnh đạo phòng xem xét
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo phòng xem xét lại hồ sơ ký nháy vào giấy chứng nhận hoặc văn bản từ chối. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ, ký duyệt giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối Chuyển lại chuyên viên thụ lý
B8	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Giấy chứng nhận đăng ký; biên số hoặc văn bản từ chối.	- Lấy số giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối.
B9	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Theo mục I - Hồ sơ trình - giấy chứng nhận đăng ký biên số hoặc	- Photo, đóng dấu, phát hành giấy chứng nhận hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				văn bản từ chối	chứng nhận hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.
B10	Trả kết quả,, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	- Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; thu hồi và cắt góc trên bên phải giấy chứng nhận cũ. - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
5	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
8. Ngày:
9. Nơi cấp:
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
11. Loại xe máy chuyên dùng:
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn: 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất: 17. Số khung:
18. Số động cơ: 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu* *- Số biên số cũ: (nếu có):.....Biên số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

QUY TRÌNH 27**Đăng ký xe máy chuyên dùng từ tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương khác chuyển đến**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp theo quy định, kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Cấp mới kèm theo biên số: 200.000 đồng/lần/phương tiện. - Đóng lại số khung, số máy: 50.000 đồng/lần/phương tiện.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng chuyên môn	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thụ lý hồ sơ, tiến hành kiểm tra xe đăng	Chuyên viên	4,5 ngày	- Hồ sơ theo mục I - Công văn chuyển kiểm	Trường hợp xe trong thành phố HCM, có giấy hẹn kiểm tra

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	ký	Phòng chuyên môn	làm việc	tra (nếu chuyên tình kiểm tra) -Phiếu hẹn kiểm tra - Biên bản kiểm tra	Trường hợp xe để ở tỉnh khác có văn bản đề nghị Sở Giao thông vận tải nơi có xe đang hoạt động, tập kết kiểm tra - Thực hiện kiểm tra xe theo quy định.
B5	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên môn	02 ngày	- Hồ sơ theo mục I - Biên bản kiểm tra - Dự thảo giấy chứng nhận đăng ký; biên số hoặc văn bản từ chối.	Sau khi kết thúc kiểm tra hoặc nhận được kết quả kiểm tra đối với xe máy chuyên dùng ngoài tỉnh, chuyên viên thụ lý tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ, dự thảo phiếu giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc văn bản từ chối Trình lãnh đạo phòng xem xét
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Biên bản kiểm tra - Giấy chứng nhận đăng ký; biên số hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt hồ sơ, ký nháy vào giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở xem xét.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Biên bản kiểm tra - Giấy chứng nhận đăng ký	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ, giấy chứng nhận đăng ký hoặc văn bản từ chối Chuyển lại chuyên

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				ký, biên số hoặc văn bản từ chối	viên thụ lý
B8	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc văn bản từ chối	- Lấy số giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối.
B9	Phát hành Văn bản	Văn thư Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Theo mục I - Hồ sơ trình - giấy chứng nhận đăng ký, biên số hoặc văn bản từ chối	- Photo, đóng dấu, phát hành giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối. - Chuyển giấy chứng nhận đăng ký hoặc Văn bản từ chối đến Bộ phận một cửa của Sở.
B10	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng
5	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
8. Ngày cấp:
9. Nơi cấp:
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
11. Loại xe máy chuyên dùng:
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn: 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất: 17. Số khung:
18. Số động cơ: 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):
21. Giấy tờ kèm theo nếu có:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:*(Dán trà số động cơ)**(Dán trà số khung)*** chỉ dán trà số động cơ của máy chính**- Đăng ký lần đầu* *- Số biên số cũ: (nếu có):.....Biên số đề nghị cấp***Cán bộ làm thủ tục***(Ký, ghi rõ họ tên)***Trưởng phòng duyệt***(Ký, ghi rõ họ tên)***Giám đốc***(Ký tên, đóng dấu)***Ghi chú:**- Đánh dấu “x” vào các ô tương ứng;**- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;**- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

QUY TRÌNH 28**Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh,
thành phố trực thuộc Trung ương**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5111/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (theo mẫu)	01	Bản chính
02	<p>Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng là một trong những chứng từ sau:</p> <p>2.1 Hợp đồng mua bán, cho tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.2 Hóa đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính;</p> <p>2.3 Văn bản của cấp có thẩm quyền đồng ý thanh lý xe theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.4 Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.5 Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.6 Quyết định xuất, bán hàng dự trữ quốc gia của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p>	01	Bản chính
03	Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp	01	Bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Giao thông Vận tải TPHCM, địa chỉ: 63 Lý Tự Trọng, Bến Nghé, Quận 1	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo mục I (nộp trực tiếp)
	Kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM		BM 02 BM 01 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ: Hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo BM 02 và ghi rõ lý do. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển phòng	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT	0,125 ngày làm việc	Theo mục I	Chuyển giao hồ sơ đến Phòng chuyên môn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	chuyên môn	TPHCM	(02 giờ)		
B3	Phân công thẩm định hồ sơ	Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	0,125 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ theo mục I	Phòng Chuyên môn tiếp nhận hồ sơ từ Bộ phận một cửa và phân công chuyên viên thụ lý, thẩm định hồ sơ
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng chuyên môn giải quyết TTHC	01 ngày làm việc	- Hồ sơ theo mục I - Dự thảo phiếu di chuyển đăng ký hoặc văn bản từ chối	Chuyên viên được phân công thụ lý căn cứ các điều kiện, yêu cầu tiến hành thẩm định hồ sơ: Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ pháp lý, dự thảo Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng, hoặc văn bản từ chối, nêu rõ lý do. Trình lãnh đạo phòng xem xét
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Phiếu di chuyển đăng ký hoặc văn bản từ chối	Lãnh đạo phòng xem xét ký duyệt hồ sơ và phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc văn bản từ chối. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Sở xem xét.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Phiếu di chuyển đăng ký	Lãnh đạo Sở xem xét ký duyệt hồ sơ và phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng hoặc

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				hoặc văn bản từ chối	văn bản từ chối. - Chuyên hồ sơ cho chuyên viên thụ lý.
B8	Ban hành văn bản	Chuyên viên thụ lý	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	- Hồ sơ theo mục I - Phiếu di chuyển đăng ký hoặc văn bản từ chối	- Phòng Chuyên môn thực hiện: + Chuyên Bộ phận một cửa cho số + Chuyên Văn thư đóng dấu + Photo, đóng dấu phát hành kết quả giải quyết hồ sơ chuyên Bộ phận một cửa
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa - Sở GTVT TPHCM	Theo giấy hẹn	Phiếu di chuyển đăng ký hoặc văn bản từ chối	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. - Thống kê, theo dõi lưu trữ hồ sơ theo quy định

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
5	BM 05	Phiếu di chuyển xe máy chuyên dùng

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng
5	BM 05	Phiếu di chuyển xe máy chuyên dùng
6	//	Các hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Thông tư số 22/2019/TT-BGTVT ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng ký xe máy chuyên dùng.

- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI

DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có): 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biển số đăng ký :.....Ngày cấp.....Cơ quan cấp.....

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh để được tiếp tục đăng ký.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Chủ phương tiện
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:.....

đến Sở Giao thông vận tải:.....

... .., ngày.....tháng.....năm... ..

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)**Trưởng phòng duyệt**
(Ký, ghi rõ họ tên)**Giám đốc**
(Ký tên, đóng dấu)** Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản:*

- 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;
- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /DC-SGTVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm... ..

PHIẾU DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG

1. Tên chủ sở hữu: 2. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD:
3. Ngày cấp:
4. Nơi cấp:
5. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:
6. Họ và tên đồng chủ sở 7. Số CMND/ Giấy Chứng nhận ĐKKD.....
hữu (nếu có): 8. Ngày cấp.....
9. Nơi cấp.....
10. Địa chỉ thường trú/ Văn phòng:.....
11. Loại xe máy chuyên dùng:.....
12. Nhãn hiệu (mác, kiểu): 13. Công suất:(kW).....
14. Màu sơn:..... 15. Năm sản xuất:
16. Nước sản xuất:..... 17. Số khung:.....
18. Số động cơ:..... 19. Trọng lượng:(kg).....
20. Kích thước bao (dài x rộng x cao (mm)):.....
- Biên số đăng ký:.....đã được Sở Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh
cấp. ngày//
- Nay di chuyển đến Sở Giao thông vận tải..... để làm
thủ tục cấp đăng ký cho chủ phương tiện.
- Các loại giấy tờ kèm theo hồ sơ, bao gồm:

TT	Số của giấy tờ	Trích yếu nội dung	Nơi cấp giấy tờ	Ngày cấp	Số trang
1					
2					
3					
...					

....., ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ làm thủ tục
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng duyệt
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

* *Phiếu này được lập thành 03 bản:*

- *Gửi Tổng cục Đường bộ Việt Nam 01 bản;*
- *Gửi Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đến 01 bản;*
- *Lưu tại Sở Giao thông vận tải nơi di chuyển đi 01 bản*

(Xem tiếp Công báo số 11 + 12)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng